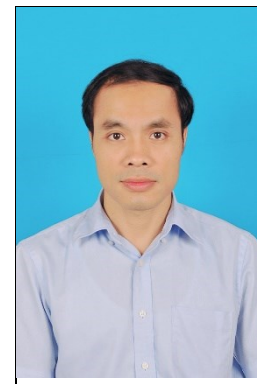


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng: ☐

Ngành: Điện tử ;

Chuyên ngành: Điện tử - Viễn thông

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Vũ Hữu Tiến
2. Ngày tháng năm sinh: 13/10/1979; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán: xã Hòa phú. huyện Ứng hòa, thành phố Hà nội
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 85 TT1, Khu đô thị Văn phú, phường Phú la, quận Hà đông, thành phố Hà nội
6. Địa chỉ liên hệ: Số nhà 85 TT1, Khu đô thị Văn phú, phường Phú la, quận Hà đông, thành phố Hà nội
Điện thoại di động: 0939919396; E-mail: tienvh@ptit.edu.vn
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

12/2004 - 03/2007	Chuyên viên đào tạo tại Trung tâm Đào tạo BCVT 1 – Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
04/2007 - 11/2010	Học nghiên cứu sinh tại Đại học Chulalongkorn – Thái lan
12/2010 - 03/2013	Chuyên viên đào tạo tại Trung tâm Đào tạo BCVT 1 – Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
04/2013- 08/2015	Giảng viên, Viện Công nghệ thông tin và truyền thông CDIT – Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
09/2015 - 03/2016	Giảng viên, Phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

04/2016 – 09/2020 Phó trưởng khoa Đa phương tiện, Khoa Đa phương tiện, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

10/2020 – Phó trưởng khoa Phụ trách khoa Đa phương tiện, Học viện Công
06/2023 nghệ Bưu chính Viễn thông

07/2023 – đến nay Phụ trách bộ môn Công nghệ Đa phương tiện, Khoa Đa phương
tiện, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Chức vụ: Hiện nay: Phụ trách bộ môn Công nghệ Đa phương tiện, Khoa Đa phương
tiện, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa Phụ trách khoa Đa phương tiện, Học viện
Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Đa phương tiện, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn
thông

Địa chỉ cơ quan: 122 Hoàng Quốc Việt, Cầu giấy, Hà nội

Điện thoại cơ quan: 024. 37562186

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: Chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 6 năm 2002; số văn bằng: B382934; ngành: Điện tử - Viễn thông, chuyên ngành: Điện tử - Viễn thông; Nơi cấp bằng: Đại học Bách khoa Hà nội.
- Được cấp bằng ThS ngày 28 tháng 02 năm 2005; số văn bằng: 001155; ngành: Điện tử - Viễn thông; chuyên ngành: Điện tử - Viễn thông; Nơi cấp bằng: Đại học Bách khoa Hà nội.
- Được cấp bằng TS ngày 06 tháng 07 năm 2011; số văn bằng: 507 18553 21; ngành: Điện tử - Viễn thông; chuyên ngành: Điện tử - Viễn thông; Nơi cấp: Đại học Chulalongkorn, Bangkok, Thái lan.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **PGS** tại HĐGS cơ sở: **Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **PGS** tại HĐGS liên ngành: **Điện – Điện tử - Tự động hóa**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Các nghiên cứu của ứng viên tập trung chủ yếu trong lĩnh vực xử lý tín hiệu ảnh và video với hai hướng chính bao gồm:

1. Cải thiện hiệu năng cho các chuẩn mã hóa video.
2. Ứng dụng các kỹ thuật học máy nhằm cải thiện chất lượng truyền và xử lý ảnh/video.

Theo hướng thứ nhất, ứng viên tập trung nghiên cứu các kỹ thuật cải thiện hiệu năng cho các chuẩn nén video đã được ban hành bao gồm H.264/AVC, H.265/HEVC và H.266/VVC

nhằm giảm tốc độ bit mã hóa đồng thời tăng chất lượng hình ảnh video. Theo hướng thứ hai, ứng viên tập trung nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật học máy nhằm tăng cường chất lượng trải nghiệm cho hệ thống truyền video trực tuyến; cải thiện hiệu năng cho các ứng dụng xử lý hình ảnh/video như ứng dụng phát hiện và nhận dạng đối tượng, ứng dụng camera giám sát an ninh.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **05** HCVH bảo vệ thành công luận văn Thạc sỹ;
- Đã chủ trì và hoàn thành **05** đề tài NCKH cấp Cơ sở đạt kết quả xuất sắc và tốt;
- Đã tham gia và hoàn thành **01** đề tài thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia về công nghệ vũ trụ của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Đã công bố **45** bài báo khoa học (sau khi bảo vệ Tiến sỹ là **41** bài) gồm: **08** bài báo tạp chí ISI/Scopus, **09** bài báo tạp chí quốc gia; **18** bài báo hội thảo quốc tế; **10** bài báo hội thảo quốc gia. Là tác giả chính của **26/45** bài báo.
- Đã xuất bản **01** Giáo trình “Xử lý và truyền thông đa phương tiện” tại nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Số TT	Hình thức khen thưởng	Năm	Quyết định
1	Bằng khen cấp Bộ	2019	Số 912/QĐ-BTTTT ngày 17/6/2019
2	Chiến sỹ thi đua cấp Bộ	2020	Số 1026/QĐ-BTTTT ngày 18/6/2020
3	Chiến sỹ thi đua cấp Cơ sở	2022	Số 2040/QĐ-HV ngày 30/12/2022
4	Chiến sỹ thi đua cấp Cơ sở	2024	Số 2842/QĐ-HV ngày 30/12/2024

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): KHÔNG

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

a. Về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

Là một giảng viên của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, tôi tự nhận thấy mình có đủ các tiêu chuẩn của một nhà giáo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể:

- Có lập trường tư tưởng vững vàng, có bản lĩnh chính trị, luôn tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà Nước;
- Sống và làm việc nghiêm túc, gương mẫu, có trách nhiệm, hòa đồng cùng đồng nghiệp, thân thiện, nhiệt huyết với sinh viên;

- Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo, đồng thời tôn trọng, đối xử công bằng, biết lắng nghe, và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người học;
- Được đào tạo bài bản về trình độ, chuyên môn nghiệp vụ trong nước và quốc tế; luôn có ý thức trau dồi kiến thức, không ngừng học tập; thường xuyên cập nhật chuyên môn, nghiệp vụ;
- Có sức khỏe tốt, đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

b. Về nhiệm vụ:

Luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của nhà trường. Cụ thể:

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của giảng viên, các quy định của điều lệ, quy chế về tổ chức và hoạt động của Nhà trường;
- Tích cực tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; tham gia biên soạn đề cương, bài giảng và giáo trình phục vụ đào tạo;
- Tích cực tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp và xây dựng cộng đồng nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước thông qua các hoạt động:
 - ✓ Thành viên ban chương trình Hội nghị Quốc gia về Điện tử Viễn thông và Công nghệ thông tin của Hội vô tuyến điện tử Việt nam (REV-ECIT) trong các năm 2021, 2022, 2023;
 - ✓ Tích cực tham gia phản biện và nộp bài báo khoa học cho các tạp chí trong và ngoài nước (Tạp chí khoa học công nghệ thông tin và truyền thông – Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Tạp chí Công nghệ thông tin – Truyền thông – Đại học Quốc gia, Tạp chí IEEE Access, Tạp chí IEICE, ...) và các Hội thảo quốc tế (ATC, NICS, ICCE, MCSOC, ...);
 - ✓ Chủ trì và tham gia các đề tài cấp Cơ sở và cấp Nhà nước.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 20 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020			01	02	434	0	434/628,8/270
2	2020-2021	01		01	02	528	0	528/749,2/270
3	2021-2022	01		0	02	253	0	253/399,3/270

03 năm học cuối								
4	2022-2023	01		0	03	289	0	289/394,5/270
5	2023-2024	01		0	03	386	0	386/513,4/270
6	2024-2025	01		0	04	336	0	336/401,7/270

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Bảo vệ luận án Tiến sỹ ☒; Tại Thái lan năm 2010.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

d) Đối tượng khác ☐

3.2. Tiếng Anh (chứng chỉ): TOEFL ITP 553 (2021)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Nhật Khải		X	X		1/2014 – 6/2014	Học viện Công nghệ BCVT	20/10/2014/QĐ số 718/QĐ-HV
2	Phạm Thị Mai Loan		X	X		1/2017 – 6/2017	Học viện Công nghệ BCVT	18/10/2017/QĐ số 949/QĐ-HV
3	Đào Thị Huyền		X	X		6/2018 – 11/2018	Học viện Công nghệ BCVT	20/03/2019/QĐ số 164/QĐ-HV
4	Nguyễn Viết Quân		X	X		11/2019 – 4/2020	Học viện Công nghệ BCVT	14/08/2020/QĐ số 595/QĐ-HV
5	Nguyễn Quang Huy		X	X		6/2021 – 11/2021	Học viện Công nghệ BCVT	14/04/2022/QĐ số 458/QĐ-HV
6	Thippaphone Sisouvong	X		X		3/2021 - Nay	Học viện Công nghệ BCVT	

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS: Không có						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Xử lý và truyền thông	Giáo trình	Nhà xuất bản Khoa	03	Chủ biên	Biên soạn từ trang 1 - 118	772/QĐ-HV;

	đa phương tiện		học và Kỹ thuật, 2022				225/QĐXB- NXBKHK
--	-------------------	--	--------------------------	--	--	--	---------------------

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Cải tiến hiệu năng hệ thống mã hóa video dựa trên mô hình nhiễu tương quan	CN	Mã số: 02-2019-HV-ĐPT-VT Đề tài cấp học viện CNBCVT	4/2019 – 11/2019	Nghiệm thu ngày 20/12/2019. Xếp loại: Tốt
2	Nghiên cứu phát triển công nghệ xử lý và truyền dẫn dữ liệu công nghệ cao ứng dụng kỹ thuật truyền thông quang vô tuyến cho các hệ thống thông tin vệ tinh	TVC	Mã số: VT-CN.01/17-20 Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình KHCN cấp quốc gia về công nghệ vũ trụ giai đoạn 2016-2020.	06/2017 – 12/2019	Nghiệm thu ngày 11/08/2020 Xếp loại: Đạt
3	Cải thiện hiệu năng hệ thống mã hóa video dựa trên kỹ thuật học máy	CN	Mã số: 07-2020-HV-ĐPT-CN Đề tài cấp học viện CNBCVT	4/2020 – 11/2020	Nghiệm thu ngày 27/12/2020. Xếp loại: Xuất sắc
4	Nghiên cứu và xây dựng mô hình học máy dự đoán tham số lượng tử dựa trên nội dung và chất lượng ảnh cho bộ mã hóa video x.264	CN	Mã số: 03-PTIT-NAVER Đề tài hợp tác cấp Học viện CNBCVT với Tập đoàn Naver-Hàn Quốc	08/2021 – 01/2022	Nghiệm thu ngày 23/02/2022. Xếp loại: Đạt

5	Nghiên cứu và xây dựng mô hình học máy dự đoán tham số lượng tử dựa trên nội dung nhằm đảm bảo chất lượng ảnh cho bộ mã hóa video	CN	Mã số: 01-PTIT-NAVER-2022 Đề tài hợp tác cấp Học viện CNBCVT với Tập đoàn Naver-Hàn Quốc	09/2022 – 08/2023	Nghiệm thu ngày 24/08/2023. Xếp loại: Đạt
6	Nghiên cứu và đề xuất kỹ thuật cải tiến hiệu năng mã hóa Video theo chuẩn H.266/VVC	CN	Mã số: 07-2024-HV-ĐPT Đề tài cấp học viện CNBCVT	4/2024 – 12/2024	Nghiệm thu ngày 01/11/2024. Xếp loại: Đạt

CN: Chủ nhiệm; TVC: Thành viên chính

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận Tiến sỹ (Trước 06/07/2011)							
	Bài báo hội nghị quốc tế (03 bài)/quốc gia (01 bài)							
[1]	Adaptive FMO Map Generation using Cross Video Coding-MAC Layer Consideration (link: http://www.apsipa.org/proceedings_2011/pdf/APSIPA309.pdf)	2	Có	Asia Pacific Signal and Information Processing Association Annual Summit and Conference (APSIPA 2011), ISSN: 1945-7871	Kỷ yếu hội nghị quốc tế APSIPA ASC, Trung Quốc, Scopus	0	473–477	10/2011
[2]	An Error Resilience Technique Based on Error Propagation for H.264	2	Có	International Conference on	Kỷ yếu hội nghị quốc tế	18	205-208	08/2009

	Video Coding in Error-Prone Channels (https://ieeexplore.ieee.org/document/5202472)			Multimedia and Expo (ICME 2009), eISSN: 1945-788X	về Công nghệ Đa phương tiện IEEE, Mỹ, Scopus			
[3]	Joint FMO and adaptive intra refresh for error resilience in H.264 video coding (https://eprints.lib.hokudai.ac.jp/dspace/handle/2115/39743)	2	Có	Asia Pacific Signal and Information Processing Association Annual Summit and Conference (APSIPA 2009)	Kỷ yếu hội nghị quốc tế APSIPA ASC, Nhật bản Scopus	1	449–452	10/2009
[4]	Comparative Study and Evaluation of Vertical Handover Mechanisms using Mobile IP and mSCTP	3	Có	10th Vietnam Conference on Radio & Electronics (REV'06), Hanoi, 2006	Kỷ yếu hội nghị quốc gia về vô tuyến điện tử, Hà nội, 2006	0	135-140	11/2006
II	Sau khi được công nhận Tiến sỹ (từ 06/07/2011)							
	Bài báo tạp chí quốc tế (08 bài)							
[5]	Consistent Quality in Video Coding: A Perceptual RDO and Neural Network - based QP Prediction Approach (https://ieeexplore.ieee.org/abstract/document/11016678)	4	Có	IEEE Access, ISSN: 2169-3536	ISI, SCIE (IF: 3.367, Q1)	0	13, 94336 - 94353	05/2025
[6]	QoE-Energy Consumption Optimization for End-User Devices in Adaptive Bitrate Video Streaming Using the Lagrange (http://dx.doi.org/10.4108/eetinis.v12i3.8587)	2	Có	EAI Endorsed Transactions on Industrial Networks and Intelligent Systems, eISSN: 2410-0218	ESCI, SCOPUS (SJR: 0.411, Q3)	0	12, 3, 1-12	04/2025

[7]	QoE Aware Video Streaming Scheme Utilizing GRU-based Bandwidth Prediction and Adaptive Bitrate Selection for Heterogeneous Mobile Networks https://ieeexplore.ieee.org/document/10479197	4	Có	IEEE Access, ISSN: 2169-3536	ISI, SCIE (IF: 3.367, Q1)	7	12, 45785 - 45795	03/2024
[8]	Learning Adaptive Quantization Parameter for Consistent Quality Oriented Video Coding https://www.mdpi.com/2079-9292/12/24/4905	6	Có	Electronics, ISSN: 2079-9292	ISI, SCIE (IF: 2.6, Q2)	1	12, 4905, 1-19	12/2023
[9]	Learning adaptive motion search for fast versatile video coding in visual surveillance systems https://ietresearch.onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1049/ipr2.13001	4	Không	IET Image Processing, ISSN: 1751-9667	ISI, SCIE (IF: 2.373, Q2)	1	18, 4, 981-995	11/2023
[10]	View synthesis method for 3D video coding based on temporal and inter view correlation https://ietresearch.onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1049/iet-ipr.2018.5390	6	Không	IET Image Processing, ISSN: 1751-9667	ISI, SCIE (IF: 2.373, Q2)	2	12, 11, 2111-2118	09/2018
[11]	A Cross Video-MAC Layer Approach for Generating Adaptive FMO Map https://ph01.tci-thaijo.org/index.php/ectic/article/view/54321	2	Có	ECTI Transactions on Electrical Engineering, Electronics, and Communications (ECTI-CIT), ISSN: 2286-9131	ISI, SCOPUS (IF: 0.257, Q4)	2	6, 1, 58-63	05/2012
[12]	New Error Resilience Technique Using Adaptive FMO and Intra Refresh for H.264 Video Transmission	3	Có	IEICE Transactions on Fundamentals of Electronics Communications	ISI, SCIE (IF: 0.338, Q3)	3	E94A, 8, 1647-1655	08/2011

	https://www.jstage.jst.go.jp/article/transfun/E94.A/8/E94.A_8_1647/_article)			and Computer Sciences. ISSN: 1745-1337				
Bài báo tạp chí khoa học trong nước (09 bài)								
[13]	Cải tiến hàm tính độ méo trong quá trình tối ưu độ méo-tốc độ bit cho bộ mã hóa video H.266/VCC	2	Có	Tạp chí Khoa học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. ISSN: 2525 - 2224	Tạp chí quốc gia	0	1,3,1-7	10/2024
[14]	Weather image classification based on combination of CNN and XGBOOST (https://jstic.ptit.edu.vn/jstic-ptit/index.php/jstic/article/view/1210/409)	2	Không	Tạp chí Khoa học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. ISSN: 2525 - 2224	Tạp chí quốc gia	0	1,3,69-74	09/2023
[15]	Phương pháp điều chỉnh hệ số lượng tử theo nội dung cục bộ khung hình video (https://jstic.ptit.edu.vn/jstic-ptit/index.php/jstic/article/view/766/361)	4	Không	Tạp chí Khoa học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. ISSN: 2525 - 2224	Tạp chí quốc gia	0	1,4,10-16	12/2022
[16]	Early CTU Termination and Three-steps Mode Decision Method for Fast Versatile Video Coding (https://jcsce.vnu.edu.vn/index.php/jcsce/article/view/375)	6	Không	Tạp chí Khoa học Công nghệ thông tin – Truyền thông, Đại học Quốc gia Hà Nội. eISSN: 2588-1086	Tạp chí quốc gia	0	39,2,42-56	12/2022
[17]	Giảm thời gian mã hóa cho chuẩn nén video HEVC dựa trên việc cải tiến thuật toán tìm kiếm TZ	2	Có	Tạp chí Khoa học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.	Tạp chí quốc gia	0	1,3,115-121	10/2021

	https://jstic.ptit.edu.vn/jstic-ptit/index.php/jstic/article/view/506/320			ISSN: 2525 - 2224				
[18]	Ứng dụng mạng nơ-ron trong kỹ thuật tạo thông tin phụ trợ cho mã hóa video phân tán https://jstic.ptit.edu.vn/jstic-ptit/index.php/jstic/article/view/342/136	2	Không	Tạp chí Khoa học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. ISSN: 2525 - 2224	Tạp chí quốc gia	0	1,3, 9-14	10/2020
[19]	Improving TDWZ Correlation Noise Estimation: A Deep Learning based Approach https://rev-jec.org/index.php/rev-jec/article/view/254	4	Có	Tạp chí REV về Điện tử và Truyền thông, Hội Vô tuyến - Điện tử Việt Nam, ISSN: 1859 - 378X	Tạp chí quốc gia	1	10,1-2,45-54	06/2020
[20]	A Novel Technique in Error Propagation Resilience for H.264 Video Coding Based on FMO and Intra Refresh Rate https://hust.edu.vn/vi/nghien-cuu/tap-chi-khcn/tap-chi-khoa-hoc-va-cong-nghe-so-102-122107.html	2	Không	Tạp chí Khoa học & Công nghệ các trường Đại học Kỹ thuật / Đại học Bách khoa Hà Nội ISSN: 0868-3980	Tạp chí quốc gia	0	số 102, 50-56.	11/2016
[21]	Phương pháp tạo thông tin phụ trợ cho mã hóa video phân tán https://jstic.ptit.edu.vn/jstic-ptit/index.php/jstic/article/view/24/11	3	Không	Tạp chí Khoa học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. ISSN: 2525 - 2224	Tạp chí quốc gia	0	1, 2, 11-17	10/2016
Bài báo hội nghị quốc tế (15 bài) / trong nước (09 bài)								
[22]	VMAF oriented End-to-End quality prediction	5	Không	International Conference on Advanced	Kỷ yếu hội nghị quốc tế	0	666-671	03/2025

	model for Perceptual Versatile video coding (https://ieeexplore.ieee.org/document/10908127)			Technologies for Communications (ATC 2024) ISSN: 2162-1039	IEEE, Scopus			
[23]	Phương pháp phát hiện gian lận thi dựa trên kỹ thuật học sâu (https://drive.google.com/file/d/1JqNvLSVFOCagkPOliJCtmwLVIS0Xgmcu/view?pli=1)	4	Có	Hội nghị Quốc gia về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin lần thứ XXVII (REV-ECIT 2024) ISBN 978-604-80-3457-3	Kỷ yếu hội thảo Hội vô tuyến-điện tử Việt nam	0	344-350	12/2024
[24]	Performance of hybrid models with VGG16-XGBoost and VGG16-LightGBM on fake face image recognition (https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-981-97-5504-2_29)	2	Có	International Conference on Intelligent Systems and Networks (ICISN 2024)	Springer Lecture Notes in Networks and Systems, Springer	0	248-253	09/2024
[25]	A Comprehensive Study on Objective Assessment Metrics with Light Field Images (https://ieeexplore.ieee.org/document/10471838)	4	Không	International Conference on Computing and Communication Technologies (RIVF – 2023) ISBN:979-8-3503-1584-4	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE, Scopus	0	569-574	03/2024
[26]	Advanced Feature Processing for IoT-based Intrusion Detection System (https://ieeexplore.ieee.org/document/10471837)	4	Không	International Conference on Computing and Communication Technologies (RIVF – 2023) ISBN:979-8-3503-1584-4	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE, Scopus	0	37-42	03/2024
[27]	Cải tiến hiệu năng bộ mã hóa video H.266/VVC dựa trên phương pháp	3	Có	Hội nghị Quốc gia về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin lần thứ	Kỷ yếu hội thảo Hội vô tuyến-	0	276-281	12/2023

	đánh giá chất lượng VMAF (https://drive.google.com/file/d/1tq60Dj2A9eYTDZgJchOvbMcs8xGJMMPW/view)			XXVI (REV-ECIT 2023) ISBN 978-604-80-8932-0	điện tử Việt nam			
[28]	Xây dựng và đánh giá hiệu năng mã hóa video phân tán với chuẩn VVC cải tiến (https://drive.google.com/file/d/1tq60Dj2A9eYTDZgJchOvbMcs8xGJMMPW/view)	7	Không	Hội nghị Quốc gia về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin lần thứ XXVI (REV-ECIT 2023) ISBN 978-604-80-8932-0	Kỷ yếu hội thảo Hội vô tuyến-điện tử Việt nam	0	288-293	12/2023
[29]	Tăng cường chất lượng trải nghiệm người dùng trong hệ thống video trực tuyến thích nghi sử dụng mô hình ước lượng băng thông LSTM (https://drive.google.com/file/d/1sqIOd6ppdyvWsuYBdL4-JDVUfYuVJ4o/view)	3	Có	Hội nghị Quốc gia về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin lần thứ XXV (REV-ECIT 2022) ISBN 978-604-80-7468-5	Kỷ yếu hội thảo Hội vô tuyến-điện tử Việt nam	0	152-158	12/2022
[30]	VMAF based quantization parameter prediction model for low resolution video coding (https://ieeexplore.ieee.org/document/9942982)	6	Có	International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2022) ISSN: 2162-1039	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE, Scopus	1	364-368	11/2022
[31]	Ước lượng băng thông sử dụng mô hình mạng nơ-ron LSTM (https://drive.google.com/file/d/1ibkLTPowu5IHMXTeYOJUvEVnuW0luTs/view)	5	Có	Hội nghị Quốc gia về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin lần thứ XXIV (REV-ECIT 2021) ISBN 978-604-80-5958-3	Kỷ yếu hội thảo Hội vô tuyến-điện tử Việt nam	0	54-59	12/2021

[32]	Phương pháp tạo thông tin phụ trợ dựa trên kỹ thuật học máy cho mã hóa video Wyner-Ziv (https://drive.google.com/file/d/1ibkLTPowu5lHMXTeYOJUvEVnuW0luTs/view)	2	Có	Hội nghị Quốc gia về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin lần thứ XXIV (REV-ECIT 2021) ISBN 978-604-80-5958-3	Kỷ yếu hội thảo Hội vô tuyến-điện tử Việt nam	0	402 - 408	12/2021
[33]	Efficient Multipath Routing Scheme for MPTCP-enable Software-Defined Networks (https://ieeexplore.ieee.org/document/9598257)	4	Không	International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2021) ISSN: 2162-1039	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE, Scopus	0	68-72	11/2021
[34]	Content based side information creation for distributed video coding (https://ieeexplore.ieee.org/document/9023813)	3	Có	2nd National Foundation for Science and Technology Development Conference on Information and Computer Science (NICS 2019) eISBN: 978-1-7281-5163-2	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE, Scopus	1	223-227	03/2020
[35]	Improving performance of distributed video coding by consecutively refining of side information and correlation noise model (https://ieeexplore.ieee.org/document/8905187)	4	Có	19 th International Symposium on Communications and Information Technologies (ISCIT 2019) ISSN: 2643-6175	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE, Scopus	1	502-506	11/2019
[36]	Distortion Model based on Perceptual of Local Image Content (https://ieeexplore.ieee.org/stamp/stamp.jsp?tp=&arnumber=8942191)	5	Không	IEEE International Conference on Consumer Electronics - Asia (ICCE-Asia 2019) eISBN: 978-1-7281-3336-2	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE, Scopus	2	5 – 8	06/2019

[37]	Artificial Intelligence Based Adaptive GOP Size Selection for Effective Wyner-Ziv Video Coding (https://ieeexplore.ieee.org/document/8587573)	4	Có	International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2018) ISSN: 2162-1039	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE, Scopus	8	120-124	12/2018
[38]	A Practical High Efficiency Video Coding Solution for Visual Sensor Network using Raspberry Pi Platform (https://ieeexplore.ieee.org/document/8540215)	4	Không	IEEE 12th International Symposium on Embedded Multicore/Many-core Systems-on-Chip (MCSoc 2018) eISBN: 978-1-5386-6689-0	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE, Scopus	2	64-68	11/2018
[39]	Base layer constrained error concealment solutions for robust SHVC video transmission (https://ieeexplore.ieee.org/document/8369687)	6	Không	International Workshop on Advanced Image Technology (IWAIT 2018) eISBN:978-1-5386-2615-3	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE, Scopus	2	1-4	05/2018
[40]	Cải tiến phương pháp tạo thông tin phụ trợ dựa trên kỹ thuật siêu phân giải cho hệ thống mã hóa video liên lớp phân tán	3	Không	Hội nghị Quốc gia về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin lần thứ XX (REV-ECIT 2017) ISBN: 978-604-67-1021-9	Kỷ yếu hội thảo Hội vô tuyến-điện tử Việt nam	0	28-32	12/2017
[41]	Đề xuất kỹ thuật gắn xương tự động cho các đối tượng 3D thông qua Plug-in trong phần mềm Maya	4	Không	Hội nghị Quốc gia về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin lần thứ XX (REV-ECIT 2017) ISBN: 978-604-67-1021-9	Kỷ yếu hội thảo Hội vô tuyến-điện tử Việt nam	0	38-41	12/2017

[42]	Static hand gesture recognition for Vietnamese sign language (VSL) using principle components analysis (https://ieeexplore.ieee.org/document/7394275)	4	Có	International Conference on Communications, Management and Telecommunications (ComManTel 2015) eISBN:978-1-4673-6547-5	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE, Scopus	34	138-141	02/2016
[43]	Ứng dụng PCA trong nhận dạng cử chỉ tay ngôn ngữ tiếng Việt (link: https://drive.google.com/file/d/15Q9CSu8ATy7w1qnsvOmCNJaHL8BAg8Vg/view)	4	Không	Hội nghị Quốc gia về Điện tử, Truyền thông và Công nghệ Thông tin lần thứ XVIII (REV-ECIT 2015) ISBN 978-604-67-0635-9	Kỷ yếu hội thảo Hội vô tuyến-điện tử Việt nam	0	136-139	12/2015
[44]	An improved technique using FMO for error propagation resilience in H.264 video coding (https://ieeexplore.ieee.org/document/7302196)	2	Có	2nd National Foundation for Science and Technology Development Conference on Information and Computer Science (NICS 2015) eISBN:978-1-4673-6640-3	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE, Scopus	3	225-228	10/2015
[45]	An Improved Rate Control Scheme for H.264 Using Bit-count Indicator (https://ieeexplore.ieee.org/document/7043448)	2	Có	International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2014) eISSN: 2162-1039,	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE, Scopus	0	544-547	02/2015

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **06 bài** gồm các bài [5], [6], [7], [8], [11], [12].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Hiệu chỉnh chương trình đào tạo ngành Công nghệ Đa phương tiện	Tham gia	QĐ 683/QĐ-HV, ngày 23/5/2023	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	QĐ 1172/QĐ-HV ngày 23/8/2023	
2	Xây dựng chương trình đào tạo ngành Báo chí số	Tham gia	QĐ 388/QĐ-HV, ngày 07/5/2021	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	QĐ 798/QĐ-HV ngày 30/6/2022	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐
Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐
Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Vũ Hữu Tiến